

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

SỔ TAY HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

(Cập nhật theo Luật Sở hữu trí tuệ, Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN và Quyết định số 2113/QĐ-BKHCN
ngày 14/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CAO BẰNG, 2026

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	4
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHÃN HIỆU	5
1. Khái niệm và phân loại nhãn hiệu	5
Các loại nhãn hiệu thường gặp.....	5
2. Lợi ích của việc đăng ký nhãn hiệu	5
3. Điều kiện bảo hộ của nhãn hiệu	6
3.1. Điều kiện về hình thức thể hiện	6
3.2. Các dấu hiệu KHÔNG được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu.....	6
3.3. Điều kiện về khả năng phân biệt	6
4. Quyền đăng ký nhãn hiệu	6
4.1. Quyền đăng ký nhãn hiệu thông thường	6
4.2. Quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận	7
5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	7
5.1. Thời hạn hiệu lực	7
5.2. Lãnh thổ hiệu lực.....	7
6. Căn cứ pháp lý hiện hành.....	7
PHẦN 2. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU.....	9
1. Thành phần hồ sơ.....	9
a) Tài liệu tối thiểu (bắt buộc để đơn được tiếp nhận)	9
b) Tài liệu bổ sung tùy trường hợp.....	9
2. Yêu cầu đối với tài liệu đơn	9
3. Cách điền Tờ khai đăng ký nhãn hiệu (Mẫu số 04)	10
PHẦN 3. TRÌNH TỰ, THỜI HẠN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ.....	11
Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ	11
Bước 2: Thẩm định hình thức đơn — thời hạn 01 tháng	11
Bước 3: Công bố đơn — thời hạn 01 tháng	11
Bước 4: Thẩm định nội dung — thời hạn 05 tháng kể từ ngày công bố đơn	11
Bước 5: Ra quyết định cấp/từ chối cấp văn bằng bảo hộ	11
Bước 6: Công bố, đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ	12
Tóm tắt thời hạn xử lý (trường hợp thông thường, đơn hợp lệ, không có ý kiến phản đối)... ..	12
PHẦN 4. PHÍ, LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU	13
Phí phát sinh khi theo đuổi đơn (nếu có).....	13
PHẦN 5. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU	14
1. Cách thức nộp đơn.....	14
2. Nơi tiếp nhận đơn.....	14
3. Hỗ trợ tư vấn tại tỉnh Cao Bằng.....	14

4. Ai được đứng tên nộp đơn.....	14
PHẦN 6. THEO ĐUỔI ĐƠN TRONG QUÁ TRÌNH XỬ LÝ	15
1. Sửa đổi, bổ sung đơn	15
2. Tách đơn	15
3. Rút đơn.....	15
4. Phản đối đơn của bên thứ ba	15
5. Khiếu nại, khởi kiện.....	15
6. Nâng cao khả năng được cấp văn bằng bảo hộ	15
PHỤ LỤC A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM MIỄN PHÍ ĐỂ THIẾT KẾ MẪU NHÃN HIỆU (LOGO)	16
1. Canva (canva.com) — dễ dùng nhất, phù hợp người mới bắt đầu.....	16
2. Photopea (photopea.com) — chỉnh sửa ảnh/logo miễn phí, không cần cài đặt	16
3. Inkscape / GIMP — phần mềm cài đặt trên máy tính, miễn phí, mã nguồn mở	16
4. Figma (figma.com) — thiết kế chuyên nghiệp, làm việc nhóm trực tuyến	17
PHỤ LỤC B. HƯỚNG DẪN TRA CỨU HÌNH ẢNH, LOGO ĐỂ TRÁNH TRÙNG LẶP	18
1. Tra cứu chính thức trên Thư viện số WIPO Publish của Cục Sở hữu trí tuệ	18
2. Tra cứu nhãn hiệu quốc tế trên Cơ sở dữ liệu của WIPO	18
3. Tra cứu hình ảnh bằng công cụ tìm kiếm ảnh trên internet (đối với nhãn hiệu hình/logo)	18
PHỤ LỤC C. HƯỚNG DẪN TRA CỨU BẢNG PHÂN LOẠI QUỐC TẾ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ (PHÂN LOẠI NICE)	20
1. Vì sao phải phân loại đúng nhóm Nice	20
2. Cách tra cứu, xác định nhóm Nice phù hợp	20
Cách 1: Tra cứu trên Thư viện số WIPO Publish (khuyến nghị dùng chính, dữ liệu tiếng Việt) 20	
Cách 2: Công cụ tra cứu chính thức của WIPO (NCL — Nice Classification, có bản tiếng Anh/Pháp đầy đủ nhất).....	20
Cách 3: Tham khảo một số nhóm phổ biến với đặc sản, ngành nghề tại Cao Bằng.....	20
THÔNG TIN LIÊN HỆ HỖ TRỢ.....	22

LỜI TỰA

Nhãn hiệu là tài sản trí tuệ quan trọng, gắn liền với uy tín và khả năng cạnh tranh của mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, việc xác lập quyền sở hữu đối với nhãn hiệu không chỉ giúp bảo vệ thành quả sáng tạo mà còn là nền tảng để xây dựng thương hiệu bền vững, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Nhằm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cá nhân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng tiếp cận nhanh chóng, chính xác các quy định pháp luật và thủ tục hành chính mới nhất về đăng ký nhãn hiệu, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng biên soạn cuốn “Sổ tay hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu”. Tài liệu được xây dựng trên cơ sở Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 131/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/4/2026), Nghị định số 65/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 15/2026/NĐ-CP, số 33/2026/NĐ-CP và số 100/2026/NĐ-CP), Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 và Quyết định công bố thủ tục hành chính số 2113/QĐ-BKHCN ngày 14/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ngoài phần trình bày về quy định pháp luật và trình tự, thủ tục đăng ký, Sổ tay dành riêng Phần Phụ lục hướng dẫn thực hành: cách sử dụng một số phần mềm miễn phí để thiết kế mẫu nhãn hiệu (logo), cách tra cứu hình ảnh/logo trên internet để tránh trùng lặp, và cách tra cứu Bảng phân loại quốc tế hàng hoá, dịch vụ (phân loại Nice) — những nội dung mà tổ chức, cá nhân thường lúng túng nhất trước khi nộp đơn.

Trong quá trình chuẩn bị hồ sơ đăng ký nhãn hiệu, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng (thông tin liên hệ tại trang cuối Sổ tay) để được tư vấn, hướng dẫn chi tiết./.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHÃN HIỆU

1. Khái niệm và phân loại nhãn hiệu

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

Theo quy định hiện hành, dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu có thể là chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc; kể từ khi Luật số 131/2025/QH15 có hiệu lực (01/4/2026), pháp luật Việt Nam chính thức công nhận thêm nhãn hiệu phi truyền thống — cụ thể là:

- **Nhãn hiệu âm thanh** — thể hiện được dưới dạng đồ hoạ (bản nhạc, sóng âm...).
- **Nhãn hiệu ba chiều** — hình dạng sản phẩm hoặc bao bì có khả năng phân biệt.

Đây là điểm mới quan trọng so với các quy định trước năm 2026 (khi đó pháp luật Việt Nam chỉ bảo hộ nhãn hiệu là dấu hiệu nhìn thấy được), tổ chức, cá nhân cần lưu ý khi lựa chọn loại nhãn hiệu đăng ký.

Các loại nhãn hiệu thường gặp

- **Nhãn hiệu chữ**: gồm chữ cái, chữ số, từ ngữ (có thể có nghĩa hoặc không có nghĩa).
- **Nhãn hiệu hình**: hình vẽ, hình ảnh, biểu tượng.
- **Nhãn hiệu kết hợp**: kết hợp giữa chữ và hình.
- **Nhãn hiệu tập thể**: nhãn hiệu của một tổ chức tập thể, dùng để các thành viên phân biệt hàng hoá, dịch vụ của mình với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên.
- **Nhãn hiệu chứng nhận**: nhãn hiệu của tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận về chất lượng, đặc tính, nguồn gốc hoặc tiêu chí khác của hàng hoá, dịch vụ, cấp phép cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng.
- **Nhãn hiệu liên kết**: các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự nhau, đăng ký cho hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự, cùng một chủ sở hữu.
- **Nhãn hiệu nổi tiếng**: nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Lợi ích của việc đăng ký nhãn hiệu

Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu là việc KHÔNG bắt buộc, nhưng rất cần thiết đối với mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh — đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang xây dựng thương hiệu cho nông sản, đặc sản địa phương. Đăng ký nhãn hiệu là để:

- Xác lập quyền sở hữu hợp pháp đối với nhãn hiệu và được Nhà nước bảo hộ độc quyền sử dụng.
- Ngăn chặn tổ chức, cá nhân khác sử dụng trái phép, làm giả, làm nhái nhãn hiệu.
- Tránh xâm phạm (vô ý) quyền đối với nhãn hiệu đã được người khác đăng ký trước.
- Là cơ sở pháp lý để khai thác, chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng (li-xăng), góp vốn bằng nhãn hiệu, hoặc thế chấp tài sản trí tuệ.
- Tăng giá trị thương hiệu, tạo niềm tin với người tiêu dùng và đối tác, thuận lợi khi đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, xuất khẩu.

3. Điều kiện bảo hộ của nhãn hiệu

3.1. Điều kiện về hình thức thể hiện

Nhãn hiệu được bảo hộ nếu là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, chữ số, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc kết hợp các yếu tố đó, thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc; hoặc là dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ hoạ.

3.2. Các dấu hiệu KHÔNG được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu

- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca của Việt Nam và các nước; biểu tượng, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội... nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam và nước ngoài.
- Dấu hiệu làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối về nguồn gốc, tính năng, công dụng, chất lượng, xuất xứ... của hàng hoá, dịch vụ.
- Dấu hiệu trái với trật tự xã hội, đạo đức, có hại cho an ninh quốc gia, quốc phòng.

3.3. Điều kiện về khả năng phân biệt

Nhãn hiệu phải có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác, cụ thể không thuộc các trường hợp sau:

- Là hình, hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng, trừ khi đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu.
- Mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ (mô tả chủng loại, số lượng, chất lượng, công dụng, giá trị, nguồn gốc địa lý, thời gian sản xuất...), trừ trường hợp dấu hiệu đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước ngày nộp đơn.
- Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được đăng ký hoặc nộp đơn có ngày nộp/ngày ưu tiên sớm hơn, hoặc với nhãn hiệu nổi tiếng.
- Xung đột với quyền sở hữu trí tuệ có trước của người khác (tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả...).

Lưu ý: Trước khi lựa chọn và nộp đơn đăng ký, tổ chức, cá nhân nên tra cứu khả năng trùng lặp của nhãn hiệu dự định đăng ký. Hướng dẫn chi tiết cách tra cứu được trình bày tại Phụ lục B của Sổ tay này.

4. Quyền đăng ký nhãn hiệu

Mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hợp pháp (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân...) đều có quyền đăng ký nhãn hiệu, cụ thể:

4.1. Quyền đăng ký nhãn hiệu thông thường

- Tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký nhãn hiệu dùng cho hàng hoá do mình sản xuất hoặc dịch vụ do mình cung cấp.
- Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động thương mại hợp pháp có quyền đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm mình đưa ra thị trường nhưng do người khác sản xuất, với điều kiện người sản xuất không sử dụng nhãn hiệu đó và không phản đối việc đăng ký.

- Hai hoặc nhiều tổ chức, cá nhân có thể cùng đăng ký một nhãn hiệu để trở thành đồng chủ sở hữu, với điều kiện việc sử dụng không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ.

4.2. Quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận

- Tổ chức tập thể được thành lập hợp pháp (hợp tác xã, hiệp hội, tổ hợp tác...) có quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể để các thành viên sử dụng theo quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể.
- Đối với dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương (ví dụ: các sản phẩm nông sản đặc trưng của Cao Bằng), việc đăng ký nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh) cho phép bằng văn bản.
- Tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ có quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, với điều kiện không trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đó.

5. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

5.1. Thời hạn hiệu lực

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần 10 năm. Chủ sở hữu cần nộp đơn yêu cầu gia hạn (kèm phí, lệ phí) trong vòng 06 tháng trước ngày văn bằng hết hiệu lực; có thể nộp muộn hơn nhưng không quá 06 tháng sau ngày hết hiệu lực và phải nộp thêm 10% lệ phí gia hạn cho mỗi tháng nộp muộn.

5.2. Lãnh thổ hiệu lực

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ cấp chỉ có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Nếu doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu hoặc kinh doanh ở nước ngoài, cần đăng ký nhãn hiệu riêng tại từng quốc gia đó, hoặc đăng ký quốc tế theo Hệ thống Madrid (có chỉ định các quốc gia thành viên), Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam có thể hỗ trợ thủ tục nộp đơn Madrid có nguồn gốc Việt Nam.

6. Căn cứ pháp lý hiện hành

Sổ tay được biên soạn căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực (cập nhật đến tháng 8/2026), bao gồm:

- **Luật Sở hữu trí tuệ** số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 36/2009/QH12; Luật số 42/2019/QH14; Luật số 07/2022/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; và gần đây nhất là Luật số 131/2025/QH15 — bổ sung quy định về nhãn hiệu âm thanh, cải cách quy trình thẩm định.
- **Nghị định số 65/2023/NĐ-CP** ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026.
- **Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN** ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ (thay thế Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN và các Thông tư sửa đổi trước đây) — văn bản trực tiếp quy định trình tự, mẫu tờ khai, thời hạn xử lý đơn nhãn hiệu hiện hành.

- **Quyết định số 2113/QĐ-BKHCN** ngày 14/4/2026 công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.
- **Thông tư số 263/2016/TT-BTC** quy định mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi bởi Thông tư số 31/2020/TT-BTC và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.
- **Thông tư số 29/2026/TT-BTC** ngày 27/3/2026 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VNeID.

Lưu ý: Cách hiểu và áp dụng thống nhất pháp luật về đăng ký nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử: <https://ipvietnam.gov.vn>. Tổ chức, cá nhân nên thường xuyên cập nhật vì lĩnh vực sở hữu trí tuệ đang trong giai đoạn sửa đổi nhiều văn bản.

PHẦN 2. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Người nộp đơn chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu, thành phần cụ thể như sau (theo Quyết định số 2113/QĐ-BKHCN):

1. Thành phần hồ sơ

a) Tài liệu tối thiểu (bắt buộc để đơn được tiếp nhận)

- Tờ khai đăng ký nhãn hiệu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN (02 bản nếu nộp giấy, hoặc khai trực tuyến).
- Mẫu nhãn hiệu: 05 mẫu, kích thước 80mm x 80mm (đối với hồ sơ nộp giấy); kèm danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu, phân nhóm theo Bảng phân loại Nice.
- Chứng từ nộp phí, lệ phí (bản sao, nếu nộp phí qua bưu chính hoặc chuyển khoản trực tiếp).

b) Tài liệu bổ sung tùy trường hợp

- Đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận; bản đồ khu vực địa lý (nếu có yếu tố chỉ dẫn nguồn gốc địa lý); văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép sử dụng địa danh (nếu nhãn hiệu có chứa địa danh, dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương).
- Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp hoặc cá nhân được uỷ quyền.
- Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác (hợp đồng, thừa kế, giao việc...).
- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo Công ước Paris (bản sao đơn đầu tiên, giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu có).
- **Điểm mới:** Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hình ảnh cá nhân để đăng ký nhãn hiệu — nếu nhãn hiệu có chứa hình ảnh của một cá nhân, phải nộp bản sao giấy tờ tùy thân (nếu là hình ảnh của chính người nộp đơn) hoặc văn bản đồng ý cho phép sử dụng hình ảnh (nếu là hình ảnh của người khác).

2. Yêu cầu đối với tài liệu đơn

- Tài liệu đơn phải làm bằng tiếng Việt; các tài liệu bằng ngôn ngữ khác phải dịch ra tiếng Việt (trừ bản sao đơn ưu tiên đầu tiên nếu Cục Sở hữu trí tuệ không yêu cầu dịch).
- Mẫu nhãn hiệu phải thể hiện rõ ràng, đúng màu sắc yêu cầu bảo hộ (hoặc đen trắng nếu không yêu cầu bảo hộ màu), kích thước mỗi chiều không nhỏ hơn 30mm và không lớn hơn 80mm.
- Nếu nhãn hiệu có chứa chữ, từ ngữ không phải tiếng Việt, phải phiên âm và dịch nghĩa (nếu có nghĩa) ra tiếng Việt.
- Nếu nhãn hiệu là nhãn hiệu ba chiều: mẫu nhãn hiệu là ảnh chụp hoặc hình vẽ phối cảnh, có thể kèm hình chiếu.
- Nếu nhãn hiệu là nhãn hiệu âm thanh: mẫu nhãn hiệu thể hiện dưới dạng đồ hoạ (bản ghi các nốt nhạc theo khuôn nhạc, hoặc mô tả sóng âm...) theo hướng dẫn cụ thể của Cục Sở hữu trí tuệ.

3. Cách điền Tờ khai đăng ký nhãn hiệu (Mẫu số 04)

Tờ khai theo mẫu hiện hành (Phụ lục I Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN) gồm các mục chính sau:

Mục	Nội dung cần điền
(I) Nguồn gốc đơn và loại đơn	Đánh dấu nếu là đơn tách; đánh dấu nếu đăng ký nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.
(II) Nhãn hiệu yêu cầu đăng ký	Gắn mẫu nhãn hiệu; đánh dấu nếu là nhãn hiệu phi truyền thống (âm thanh/ba chiều); mô tả màu sắc, mô tả nhãn hiệu; nêu rõ yếu tố loại trừ (nếu có yếu tố không yêu cầu bảo hộ riêng).
(III) Người nộp đơn	Tên đầy đủ, địa chỉ, mã quốc gia/quốc tịch, loại hình (cá nhân/doanh nghiệp...); số căn cước (cá nhân) hoặc mã số thuế (tổ chức); số điện thoại, email.
(IV) Đại diện của người nộp đơn	Chọn hình thức đại diện: tổ chức đại diện SHCN được uỷ quyền, đại diện theo pháp luật, hoặc cá nhân được uỷ quyền.
(V) Yêu cầu hưởng quyền ưu tiên	Điền số đơn, ngày nộp, nước nộp đơn đầu tiên (nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo Công ước Paris).
(VI) Danh mục và phân loại hàng hoá, dịch vụ	Liệt kê hàng hoá, dịch vụ theo từng nhóm, phân loại theo Bảng phân loại Nice (xem hướng dẫn Phụ lục C).
(VIII) Phí, lệ phí	Tính số nhóm, số sản phẩm/dịch vụ trong mỗi nhóm để xác định các khoản phí phải nộp.
(IX) Danh mục tài liệu có trong đơn	Đánh dấu các tài liệu thực nộp kèm theo.
(X) Cam kết	Người nộp đơn/đại diện ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có).

Lưu ý: Kể từ Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN, Tờ khai yêu cầu khai báo Số căn cước công dân (đối với cá nhân) hoặc Mã số thuế (đối với tổ chức) thay vì chỉ ghi tên, địa chỉ như mẫu tờ khai cũ — người nộp đơn cần chuẩn bị sẵn các thông tin này.

PHẦN 3. TRÌNH TỰ, THỜI HẠN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Theo Quyết định số 2113/QĐ-BKH&CN, thủ tục đăng ký nhãn hiệu được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (trực tuyến, trực tiếp hoặc qua bưu chính — xem chi tiết tại Phần 5).

Bước 2: Thẩm định hình thức đơn — thời hạn 01 tháng

Cục Sở hữu trí tuệ kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hình thức của đơn.

- Nếu đơn hợp lệ: Cục Sở hữu trí tuệ công bố danh sách đơn hợp lệ hằng tuần trên Cổng thông tin điện tử.
- Nếu đơn không hợp lệ: Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo, ấn định thời hạn 02 tháng để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối.

Bước 3: Công bố đơn — thời hạn 01 tháng

Đơn hợp lệ được công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ.

Lưu ý: So với quy định trước đây (thời hạn công bố đơn là 02 tháng), thời hạn công bố đơn theo Thông tư số 10/2026/TT-BKH&CN đã được rút ngắn còn 01 tháng.

Bước 4: Thẩm định nội dung — thời hạn 05 tháng kể từ ngày công bố đơn

Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu theo các điều kiện bảo hộ (Phần 1, mục 3), qua đó xác định phạm vi bảo hộ. Trường hợp người nộp đơn chủ động sửa đổi, bổ sung đơn hoặc đơn không đáp ứng điều kiện bảo hộ và có ý kiến/sửa chữa, thời hạn có thể kéo dài đến 08 tháng 20 ngày.

Lưu ý: Đây là thay đổi lớn nhất của quy trình 2026: thời hạn thẩm định nội dung được rút ngắn từ 09 tháng (quy định trước đây) xuống còn 05 tháng, giúp doanh nghiệp nhận kết quả nhanh hơn đáng kể.

Nếu có ý kiến phản đối đơn từ bên thứ ba, thời hạn dành cho các bên trả lời ý kiến phản đối không được tính vào thời hạn thẩm định nội dung nêu trên.

Bước 5: Ra quyết định cấp/từ chối cấp văn bằng bảo hộ

- **Trường hợp đáp ứng điều kiện bảo hộ:** Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, ấn định thời hạn 02 tháng để người nộp đơn nộp lệ phí cấp văn bằng, phí công bố và phí đăng bạ.
- **Trường hợp không đáp ứng hoặc còn thiếu sót:** Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối, nêu rõ lý do, ấn định 02 tháng để người nộp đơn có ý kiến; nếu người nộp đơn sửa chữa/phản đối hợp lý, Cục tiếp tục thẩm định trong 50 ngày kể từ ngày nhận được văn bản.
- **Trường hợp chỉ một phần đáp ứng:** Cục Sở hữu trí tuệ có thể cấp văn bằng cho phần danh mục hàng hoá, dịch vụ đáp ứng điều kiện, từ chối phần còn lại.

Nếu người nộp đơn nộp đầy đủ, đúng hạn phí, lệ phí: Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nộp đủ phí, lệ phí.

Bước 6: Công bố, đăng bạ quyết định cấp văn bằng bảo hộ

Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu được công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định và được ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp.

Tóm tắt thời hạn xử lý (trường hợp thông thường, đơn hợp lệ, không có ý kiến phản đối)

Giai đoạn	Thời hạn
Thẩm định hình thức	01 tháng kể từ ngày nộp đơn
Công bố đơn	01 tháng kể từ ngày đơn hợp lệ
Thẩm định nội dung	05 tháng kể từ ngày công bố đơn
Cấp văn bằng bảo hộ	01 tháng kể từ ngày nộp đủ phí, lệ phí
Công bố quyết định cấp văn bằng	30 ngày kể từ ngày ra quyết định
Tổng thời gian dự kiến (thuận lợi)	khoảng 8 – 9 tháng kể từ ngày nộp đơn

PHẦN 4. PHÍ, LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Mức thu phí, lệ phí hiện hành (theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC, sửa đổi bởi Thông tư số 31/2020/TT-BTC và Thông tư số 64/2025/TT-BTC) như sau:

Loại phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
Lệ phí nộp đơn	01 đơn	75.000 (150.000 từ 01/01/2027)
Phí phân loại quốc tế hàng hoá, dịch vụ	01 nhóm (≤6 sp/dv)	100.000
— từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi trong nhóm	01 sp/dv	20.000
Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên	01 đơn/yêu cầu	600.000
Phí công bố đơn	01 đơn	120.000
Phí tra cứu phục vụ thẩm định	01 nhóm (≤6 sp/dv)	180.000
— từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi trong nhóm	01 sp/dv	30.000
Phí thẩm định đơn (thẩm định nội dung)	01 nhóm (≤6 sp/dv)	550.000
— từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi trong nhóm	01 sp/dv	120.000
Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	01 nhóm sp/dv	60.000 (120.000 từ 01/01/2027)
— từ nhóm thứ 2 trở đi	01 nhóm	50.000 (100.000 từ 01/01/2027)
Phí đăng bạ Quyết định cấp văn bằng bảo hộ	01 văn bằng	120.000
Phí công bố Quyết định cấp văn bằng bảo hộ	01 văn bằng	120.000

Lưu ý: Kể từ ngày 01/4/2026 đến hết ngày 31/12/2026, tổ chức, cá nhân nộp đơn đăng ký nhãn hiệu qua ứng dụng VNeID được MIỄN lệ phí nộp đơn và lệ phí cấp văn bằng bảo hộ (theo Thông tư số 29/2026/TT-BTC). Đây là chính sách khuyến khích nộp hồ sơ trực tuyến, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nên tận dụng để tiết kiệm chi phí.

Phí phát sinh khi theo đuổi đơn (nếu có)

Trường hợp	Mức thu (đồng)
Yêu cầu ghi nhận thay đổi người nộp đơn (chuyển nhượng đơn)	160.000 (thẩm định) + 120.000 (công bố)
Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn	160.000 (thẩm định) + 120.000 (công bố)
Tách đơn	Nộp lệ phí, phí như một đơn mới
Rút đơn	Không thu phí
Giải quyết ý kiến phản đối đơn (mỗi nhóm sp/dv)	550.000

PHẦN 5. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

1. Cách thức nộp đơn

- **Nộp trực tuyến:** qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ, hoặc qua ứng dụng/Cổng dịch vụ công VNeID (được miễn phí, lệ phí đến hết năm 2026 — xem Phần 4); ngoài ra có thể tham khảo, tra cứu qua Cổng dịch vụ công của Cục Sở hữu trí tuệ tại dichvucong.ipvietnam.gov.vn.
- **Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:** gửi tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ, hoặc trực tiếp/qua bưu điện tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ và các Văn phòng đại diện.

2. Nơi tiếp nhận đơn

Cơ quan	Địa chỉ / Liên hệ
Cục Sở hữu trí tuệ (trụ sở chính)	384–386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà NộiĐT: (024) 3858 3069 — Website: ipvietnam.gov.vn
Văn phòng đại diện Cục SHTT tại TP. Hồ Chí Minh	Lầu 7, toà nhà Hà Phan, 17–19 Tôn Thất Tùng, Quận 1, TP. Hồ Chí MinhĐT: (028) 3920 8483
Văn phòng đại diện Cục SHTT tại TP. Đà Nẵng	Tầng 3, số 135 Minh Mạng, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Lưu ý: Cục Sở hữu trí tuệ hiện chưa có Văn phòng đại diện tại khu vực miền núi phía Bắc; tổ chức, cá nhân tại tỉnh Cao Bằng được khuyến khích nộp đơn trực tuyến (qua Hệ thống DVC Bộ KH&CN hoặc ứng dụng VNeID) để tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và được miễn lệ phí đến hết năm 2026. Trường hợp nộp hồ sơ giấy, có thể gửi qua dịch vụ bưu chính đến Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội.

3. Hỗ trợ tư vấn tại tỉnh Cao Bằng

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng không trực tiếp tiếp nhận, thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu (thẩm quyền thuộc Cục Sở hữu trí tuệ), nhưng sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn miễn phí về: lựa chọn loại nhãn hiệu, tra cứu sơ bộ, chuẩn bị hồ sơ, phân loại hàng hoá/dịch vụ theo Nice, và hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến. Thông tin liên hệ tại trang cuối Sổ tay này.

4. Ai được đứng tên nộp đơn

- Doanh nghiệp, hợp tác xã: đứng tên theo tên, địa chỉ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.
- Hộ kinh doanh cá thể: đứng tên theo tên chủ hộ, địa chỉ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
- Cá nhân: đứng tên theo Căn cước công dân/Căn cước.
- Có thể tự mình nộp đơn hoặc thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (danh sách công bố tại ipvietnam.gov.vn).

PHẦN 6. THEO ĐUỔI ĐƠN TRONG QUÁ TRÌNH XỬ LÝ

1. Sửa đổi, bổ sung đơn

Người nộp đơn có thể chủ động yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn (Tờ khai theo Mẫu số 10, Phụ lục I Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN) trước khi Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng, với điều kiện việc sửa đổi không mở rộng phạm vi bảo hộ ban đầu (ví dụ: không được thêm nhóm hàng hoá, dịch vụ mới nếu làm thay đổi bản chất đơn ban đầu).

2. Tách đơn

Trong trường hợp đơn đăng ký nhiều nhóm hàng hoá, dịch vụ, người nộp đơn có thể yêu cầu tách đơn thành nhiều đơn riêng biệt (giữ nguyên ngày nộp đơn/ngày ưu tiên ban đầu), thường áp dụng khi một phần đơn bị từ chối và phần còn lại đủ điều kiện cấp văn bằng.

3. Rút đơn

Người nộp đơn có quyền rút đơn đăng ký nhãn hiệu bất kỳ thời điểm nào trước khi có quyết định cấp/từ chối cấp văn bằng, bằng văn bản tuyên bố rút đơn. Không thu phí đối với thủ tục này.

4. Phản đối đơn của bên thứ ba

Sau khi đơn được công bố, bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đơn được công bố, nếu có cơ sở cho rằng nhãn hiệu không đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc xung đột với quyền của mình. Người nộp đơn sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo và có quyền trả lời ý kiến phản đối để bảo vệ đơn của mình.

5. Khiếu nại, khởi kiện

Trường hợp đơn bị từ chối chấp nhận hợp lệ hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn (hoặc bên có quyền, lợi ích liên quan) có quyền:

- Khiếu nại lần đầu đến Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ; khiếu nại lần hai đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (thời hiệu khiếu nại mỗi cấp là 03 tháng); hoặc
- Khởi kiện quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ ra Tòa án có thẩm quyền (thời hiệu khởi kiện 01 năm kể từ ngày biết được quyết định).

6. Nâng cao khả năng được cấp văn bằng bảo hộ

- Chọn nhãn hiệu dễ nhận biết, dễ ghi nhớ, dễ phát âm; trình bày độc đáo, tránh cầu kỳ, quá nhiều màu sắc.
- Không chọn dấu hiệu mang tính mô tả trực tiếp hàng hoá, dịch vụ hoặc trùng với địa danh, chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ.
- Tra cứu kỹ thông tin nhãn hiệu trước khi nộp đơn (xem Phụ lục B) để tránh trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu đã đăng ký.
- Nên tham vấn ý kiến chuyên gia (Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp) trước khi quyết định lựa chọn và nộp đơn.

PHỤ LỤC A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM MIỄN PHÍ ĐỂ THIẾT KẾ MẪU NHÃN HIỆU (LOGO)

Mẫu nhãn hiệu (logo) cần rõ ràng, có độ phân giải tốt và đúng định dạng khi nộp đơn. Dưới đây là một số công cụ thiết kế MIỄN PHÍ, dễ sử dụng, phù hợp với tổ chức, cá nhân chưa có kinh nghiệm thiết kế đồ họa chuyên nghiệp.

1. Canva (canva.com) — dễ dùng nhất, phù hợp người mới bắt đầu

- Truy cập canva.com, đăng ký tài khoản miễn phí (có thể đăng nhập bằng Gmail).
- Trong ô tìm kiếm mẫu thiết kế, gõ từ khoá “logo” để xem các mẫu có sẵn (nhiều mẫu miễn phí, một số mẫu/hoạ tiết cao cấp có thể yêu cầu trả phí — nên chọn mẫu có nhãn “Miễn phí”/không có biểu tượng vương miện).
- Chọn một mẫu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh, sau đó chỉnh sửa: đổi chữ (tên nhãn hiệu), đổi màu sắc, phông chữ, biểu tượng.
- Nên thiết kế logo trên nền trong suốt hoặc nền trắng, hình vuông (ví dụ khung 1000x1000 pixel) để thuận tiện khi thu nhỏ về đúng kích thước mẫu nhãn hiệu (80mm x 80mm) khi nộp đơn giấy, hoặc đúng định dạng ảnh khi nộp trực tuyến.
- Tải xuống (Download) ở định dạng PNG (nền trong suốt) với độ phân giải cao để sử dụng khi in ấn, dán vào Tờ khai hoặc tải lên hệ thống nộp đơn trực tuyến.

2. Photopea (photopea.com) — chỉnh sửa ảnh/logo miễn phí, không cần cài đặt

Photopea là công cụ chỉnh sửa ảnh chạy trực tiếp trên trình duyệt web, có giao diện và tính năng gần giống Adobe Photoshop nhưng hoàn toàn miễn phí, phù hợp khi cần chỉnh sửa file logo đã có sẵn (đổi màu, cắt nền, ghép chữ, chỉnh độ phân giải).

- Truy cập photopea.com, chọn “File → Open” để mở file logo cần chỉnh sửa (hỗ trợ PNG, JPG, PSD, AI, SVG...).
- Sử dụng công cụ Magic Wand hoặc Quick Selection để tách nền (xoá nền trắng/nền màu), tạo ảnh logo nền trong suốt.
- Chỉnh kích thước ảnh (Image → Image Size), khuyến nghị xuất file vuông, tối thiểu 800x800 pixel.
- Xuất file (File → Export as → PNG) để có file chất lượng cao dùng cho hồ sơ đăng ký.

3. Inkscape / GIMP — phần mềm cài đặt trên máy tính, miễn phí, mã nguồn mở

- **Inkscape** (inkscape.org): phần mềm thiết kế đồ hoạ vector miễn phí, phù hợp thiết kế logo có nét vẽ sắc nét, dễ dàng phóng to/thu nhỏ mà không vỡ hình — rất phù hợp cho nhãn hiệu cần in ấn, khắc, thêu ở nhiều kích thước khác nhau.
- **GIMP** (gimp.org): phần mềm chỉnh sửa ảnh bitmap miễn phí, chức năng tương tự Photoshop, phù hợp xử lý ảnh chụp, ảnh chi tiết, tạo hiệu ứng cho logo.

Cách dùng cơ bản: tải và cài đặt phần mềm từ trang chủ chính thức → tạo file mới với kích thước vuông (ví dụ 2000x2000 pixel để đảm bảo độ nét khi in) → thiết kế hoặc chỉnh sửa logo → xuất file dưới định dạng PNG (có nền trong suốt) hoặc PDF/SVG (đối với Inkscape, phù hợp khi cần in với kích thước lớn).

4. Figma (figma.com) — thiết kế chuyên nghiệp, làm việc nhóm trực tuyến

Figma là công cụ thiết kế miễn phí (bản cá nhân), chạy trên trình duyệt, phù hợp khi cần nhiều người cùng góp ý, chỉnh sửa logo (ví dụ nhóm sáng lập doanh nghiệp cùng thảo luận phương án thiết kế). Đăng ký tài khoản miễn phí tại figma.com, tạo file thiết kế mới, sử dụng công cụ vẽ hình khối, chữ (Text), nhóm đối tượng (Group) để tạo logo, sau đó xuất (Export) dưới định dạng PNG/SVG.

Lưu ý: Sau khi thiết kế xong logo, tổ chức, cá nhân cần thực hiện bước tra cứu (Phụ lục B) để kiểm tra logo/nhãn hiệu dự định đăng ký có bị trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu đã được bảo hộ hoặc đã nộp đơn trước đó hay không, trước khi chính thức nộp hồ sơ.

PHỤ LỤC B. HƯỚNG DẪN TRA CỨU HÌNH ẢNH, LOGO ĐỂ TRÁNH TRÙNG LẶP

Việc tra cứu trước khi nộp đơn giúp tổ chức, cá nhân đánh giá sơ bộ khả năng đăng ký thành công, tránh mất thời gian, chi phí nếu nhãn hiệu bị từ chối do trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu đã có. Cần lưu ý: các công cụ dưới đây chỉ mang tính chất tham khảo, tra cứu sơ bộ; kết luận cuối cùng thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Sở hữu trí tuệ.

1. Tra cứu chính thức trên Thư viện số WIPO Publish của Cục Sở hữu trí tuệ

- **Bước 1:** Truy cập địa chỉ wipopublish.ipvietnam.gov.vn — đây là công cụ tra cứu chính thức, dữ liệu đầy đủ nhất về các đơn/nhãn hiệu đã nộp và đã được bảo hộ tại Việt Nam.

- **Bước 2:** Chọn mục “Nhãn hiệu” trên trang chủ.

- **Bước 3:** Nhập thông tin cần tra cứu: tên nhãn hiệu (tra theo chữ), hoặc tra cứu theo hình (nếu nhãn hiệu có yếu tố hình, có thể chọn mã phân loại hình Vienna — nếu không rõ mã, có thể tra cứu theo mô tả hoặc nhờ Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ), chọn nhóm sản phẩm/dịch vụ liên quan.

- **Bước 4:** Xem kết quả: danh sách các đơn/nhãn hiệu có tên hoặc hình tương tự, tình trạng pháp lý (đang thẩm định, đã cấp văn bằng, đã hết hiệu lực...), chủ sở hữu, nhóm sản phẩm/dịch vụ đăng ký. So sánh với nhãn hiệu dự định đăng ký để đánh giá khả năng trùng, tương tự.

2. Tra cứu nhãn hiệu quốc tế trên Cơ sở dữ liệu của WIPO

Đối với doanh nghiệp có kế hoạch xuất khẩu hoặc mở rộng ra thị trường nước ngoài, có thể tra cứu thêm trên **WIPO Global Brand Database** tại địa chỉ branddb.wipo.int — cơ sở dữ liệu tổng hợp nhãn hiệu từ nhiều quốc gia và tổ chức sở hữu trí tuệ trên thế giới, hỗ trợ tra cứu theo tên, theo hình ảnh (image search).

3. Tra cứu hình ảnh bằng công cụ tìm kiếm ảnh trên internet (đối với nhãn hiệu hình/logo)

Ngoài công cụ chuyên ngành, có thể sử dụng thêm công cụ tìm kiếm hình ảnh phổ biến để phát hiện các logo tương tự đã được sử dụng trên internet (mạng xã hội, website doanh nghiệp) dù chưa chắc đã đăng ký bảo hộ — giúp tránh xung đột thương hiệu trên thực tế:

- **Google Hình ảnh (Google Images / Google Lens):** truy cập images.google.com, chọn biểu tượng máy ảnh để tìm kiếm bằng hình ảnh (Search by image), tải lên file logo dự định đăng ký, hệ thống sẽ trả về các hình ảnh tương tự đã xuất hiện trên internet.
- **TinEye (tineye.com):** công cụ tìm kiếm ảnh ngược (reverse image search) chuyên dụng, tải ảnh logo lên để tìm các trang web đã sử dụng hình ảnh giống hoặc gần giống.
- **Tìm kiếm bằng từ khoá thông thường:** gõ tên nhãn hiệu dự định đăng ký kèm từ khoá liên quan đến ngành hàng (ví dụ: “ABC cà phê”, “ABC logo”) trên Google, Facebook, TikTok, Shopee... để kiểm tra xem đã có tổ chức, cá nhân nào khác đang sử dụng tên/nhãn hiệu tương tự trong cùng lĩnh vực kinh doanh hay chưa.

Lưu ý: Nhãn hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn không chỉ bị đánh giá qua tên gọi mà còn qua cách phát âm, cách trình bày, ý nghĩa và ấn tượng tổng thể. Khi có nghi ngờ về khả năng trùng lặp, nên liên hệ Sở Khoa

học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng hoặc tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp để được tư vấn, đánh giá chuyên sâu trước khi nộp đơn.

PHỤ LỤC C. HƯỚNG DẪN TRA CỨU BẢNG PHÂN LOẠI QUỐC TẾ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ (PHÂN LOẠI NICE)

Khi đăng ký nhãn hiệu, người nộp đơn bắt buộc phải liệt kê danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu và phân nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ (Bảng phân loại Nice) theo Thỏa ước Nice mà Việt Nam là thành viên. Bảng phân loại Nice hiện có 45 nhóm (Nhóm 1–34: hàng hoá; Nhóm 35–45: dịch vụ).

1. Vì sao phải phân loại đúng nhóm Nice

- Phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu chỉ giới hạn trong các nhóm, các sản phẩm/dịch vụ cụ thể đã đăng ký — không tự động mở rộng sang lĩnh vực khác.
- Phí thẩm định, phí tra cứu được tính theo số nhóm và số sản phẩm/dịch vụ trong mỗi nhóm (xem Phần 4) — phân loại chính xác giúp tránh phát sinh chi phí không cần thiết.
- Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thực hiện phân loại và người nộp đơn phải nộp thêm phí dịch vụ phân loại theo quy định.

2. Cách tra cứu, xác định nhóm Nice phù hợp

Cách 1: Tra cứu trên Thư viện số WIPO Publish (khuyến nghị dùng chính, dữ liệu tiếng Việt)

Truy cập wipopublish.ipvietnam.gov.vn, vào mục tra cứu “Nhãn hiệu”, sử dụng chức năng tra cứu Bảng phân loại Nice (Nice Classification) tích hợp sẵn để tìm nhóm phù hợp với từng loại sản phẩm, dịch vụ cụ thể; hoặc tham khảo Bảng phân loại Nice bằng tiếng Việt được Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên Cổng thông tin điện tử ipvietnam.gov.vn.

Cách 2: Công cụ tra cứu chính thức của WIPO (NCL — Nice Classification, có bản tiếng Anh/Pháp đầy đủ nhất)

- **Bước 1:** Truy cập công cụ “Madrid Goods & Services Manager” của WIPO tại địa chỉ webaccess.wipo.int/mgs (có hỗ trợ đa ngôn ngữ), hoặc tra cứu Bảng phân loại Nice trực tiếp tại wipo.int/classifications/nice.
- **Bước 2:** Gõ tên sản phẩm hoặc dịch vụ bằng tiếng Anh (ví dụ: “coffee”, “bamboo furniture”, “restaurant services”) vào ô tìm kiếm.
- **Bước 3:** Hệ thống sẽ hiển thị số nhóm (từ 1 đến 45) tương ứng với sản phẩm/dịch vụ đó, kèm theo danh sách các sản phẩm/dịch vụ liên quan cùng nhóm để tham khảo, lựa chọn bổ sung nếu cần.

Cách 3: Tham khảo một số nhóm phổ biến với đặc sản, ngành nghề tại Cao Bằng

Nhóm
Nhóm 29 — Thịt, cá, gia cầm, thực phẩm chế biến từ thịt/rau quả (ví dụ: thịt hun khói, lạp sườn, miến dong Cao Bằng đóng gói)
Nhóm 30 — Cà phê, chè, bánh kẹo, mật ong, gia vị, bột, ngũ cốc chế biến (ví dụ: mật ong rừng, bánh khảo, trà)
Nhóm 31 — Nông sản, lâm sản chưa qua chế biến, hạt giống, cây, hoa quả tươi, gia súc, gia cầm sống
Nhóm 32/33 — Đồ uống (nước giải khát; rượu các loại — ví dụ rượu ngô men lá)
Nhóm 35 — Dịch vụ mua bán, quảng cáo, xúc tiến thương mại (phù hợp với hộ kinh doanh thương mại điện tử, bán hàng trên Shopee, TikTok Shop)

Nhóm
Nhóm 39 — Dịch vụ vận tải, đóng gói, lưu kho hàng hoá
Nhóm 41 — Dịch vụ giáo dục, đào tạo, giải trí, du lịch, hoạt động văn hoá, thể thao (phù hợp dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm)
Nhóm 43 — Dịch vụ ăn uống, lưu trú tạm thời (nhà hàng, homestay)

Lưu ý: Bảng trên chỉ mang tính chất gợi ý, tham khảo. Việc phân loại chính xác cần căn cứ vào bản chất cụ thể của từng sản phẩm, dịch vụ. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng sẵn sàng hỗ trợ tư vấn phân loại miễn phí trước khi nộp đơn.

THÔNG TIN LIÊN HỆ HỖ TRỢ

Mọi khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuẩn bị hồ sơ, tra cứu, phân loại hàng hoá dịch vụ hoặc nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng vui lòng liên hệ:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tầng 5–6, Toà nhà C, Trung tâm hành chính tỉnh Cao Bằng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng.

Website: sokhcn.caobang.gov.vn

Phòng Quản lý Khoa học và Sở hữu trí tuệ: đề nghị liên hệ qua số điện thoại **0983.143.778**, email: **qlkhcb@gmail.com** để được hướng dẫn cụ thể.

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Địa chỉ: 384–386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3858 3069 — Website: ipvietnam.gov.vn — Cổng dịch vụ công: dichvucong.ipvietnam.gov.vn

— HẾT —